

Số: /TMC-G-CDSVHTTDL Hà Nội, ngày tháng năm 2026
V/v mời chào giá dịch vụ công nghệ số

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số

Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhu cầu khảo sát, tham khảo giá thị trường để xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ: thuê Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống; xây dựng chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Phạm vi đề nghị cung cấp báo giá bao gồm: Hệ thống thông tin quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá (dịch vụ công nghệ số theo yêu cầu riêng); hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ có sẵn trên thị trường.

Để có cơ sở xác định giá dự kiến, xây dựng dự toán và thực hiện các thủ tục chuẩn bị thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định, Trung tâm trân trọng đề nghị Quý đơn vị quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá đối với các nội dung sau:

1. Phạm vi đề nghị cung cấp báo giá

1.1. Dịch vụ phần mềm xây dựng theo yêu cầu riêng của Hệ thống

Cung cấp dịch vụ phần mềm được phân tích, thiết kế và xây dựng theo yêu cầu riêng của Hệ thống, trên cơ sở các yêu cầu nghiệp vụ, quy trình quản lý, yêu cầu chức năng và danh mục use-case đã được xác định. Phần mềm này không phải là sản phẩm phần mềm đóng gói hoặc phần mềm thương mại có sẵn trên thị trường mà được xây dựng riêng để đáp ứng phạm vi, chức năng và yêu cầu nghiệp vụ cụ thể của nhiệm vụ. Phần mềm phải đáp ứng các yêu cầu về quản lý, cập nhật, theo dõi, tổng hợp, thống kê, báo cáo; quản lý người sử dụng và phân quyền; tra cứu, khai thác thông tin; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống có liên quan; quản trị và vận hành phần mềm theo yêu cầu của Hệ thống.

Đề nghị Quý đơn vị căn cứ đầy đủ danh mục yêu cầu chức năng, yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật và phạm vi công việc kèm theo để xác định, báo giá đầy đủ chi phí phân tích, thiết kế, xây dựng, phát triển, thiết lập, cấu hình, kiểm thử, hiệu chỉnh, tích hợp, triển khai, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và duy trì phần mềm trong phạm vi cung cấp dịch vụ. Việc cung cấp hạ tầng kỹ thuật, sao lưu dữ liệu và các giải pháp bảo đảm an

ninh mạng, an toàn thông tin được xác định riêng theo phạm vi quy định tại Mục 1.2 và Bảng chi tiết thuê hệ thống hạ tầng thiết bị và phần mềm thương mại kèm theo Công văn này.

1.2. Thuê hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ có sẵn trên thị trường

Cung cấp, duy trì hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ công nghệ thông tin có sẵn trên thị trường cần thiết để hình thành môi trường kỹ thuật phục vụ triển khai, vận hành Hệ thống, bảo đảm năng lực xử lý, lưu trữ, sao lưu dữ liệu và an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng, bao gồm:

- Dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây (Cloud): tài nguyên CPU, RAM, dung lượng lưu trữ SSD và các tài nguyên kỹ thuật cần thiết;
- Dịch vụ sao lưu dữ liệu (Backup);
- Các dịch vụ, phần mềm thương mại bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bao gồm: tường lửa cơ sở dữ liệu (DBFW), tường lửa ứng dụng Web (WAF) và phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ (DDoS), quản lý truy cập đặc quyền (PAM), phòng, chống mã độc, giám sát an ninh (SIEM), phòng, chống rò rỉ dữ liệu (DLP) và các thành phần cần thiết theo yêu cầu kỹ thuật.

2. Thời gian thực hiện và thời gian cung cấp dịch vụ

Việc thực hiện nhiệm vụ bao gồm giai đoạn xây dựng, triển khai, thiết lập, cấu hình, kiểm thử, tích hợp, đào tạo, nghiệm thu và bàn giao Hệ thống đưa vào sử dụng. Sau khi Hệ thống được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng chính thức, nhà cung cấp thực hiện cung cấp, duy trì và vận hành dịch vụ liên tục trong thời gian 12 tháng (01 năm). Trong thời gian cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp có trách nhiệm duy trì khả năng hoạt động của các thành phần thuộc phạm vi cung cấp; thực hiện vận hành hệ thống, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố, bảo trì, sao lưu, phục hồi dữ liệu và duy trì các điều kiện cần thiết để bảo đảm Hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, an toàn.

3. Yêu cầu đối với báo giá

- Báo giá được lập chi tiết theo từng nhóm nội dung và từng hạng mục hàng hóa, dịch vụ; thể hiện rõ tên hạng mục, đơn vị tính, số lượng, số tháng cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ, đơn giá, thành tiền, thuế giá trị gia tăng (VAT) và giá trị đã có VAT;
- Đối với hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ có sẵn trên thị trường, đề nghị báo giá theo đúng danh mục, số lượng, đơn vị tính, thời gian thuê hoặc sử dụng và yêu cầu kỹ thuật tại Bảng chi tiết kèm theo;
- Đối với dịch vụ phần mềm xây dựng theo yêu cầu riêng của Hệ thống, đề nghị báo giá trên cơ sở đầy đủ phạm vi yêu cầu chức năng, yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật, danh mục use-case và khối lượng công việc kèm theo;

- Giá chào phải bao gồm đầy đủ các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo đúng phạm vi yêu cầu; trường hợp áp dụng mức thuế VAT khác nhau hoặc hạng mục thuộc đối tượng có quy định thuế riêng, đề nghị ghi rõ mức thuế và căn cứ áp dụng;

- Nêu rõ thời hạn hiệu lực của báo giá, điều kiện thương mại và các nội dung liên quan khác (nếu có); báo giá có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của đơn vị theo quy định.

4. Mục đích sử dụng báo giá

Báo giá được cung cấp nhằm mục đích khảo sát, tham khảo giá thị trường; làm cơ sở xây dựng dự toán và thực hiện các thủ tục chuẩn bị thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định. Việc đề nghị cung cấp báo giá không phải là hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc cam kết lựa chọn nhà cung cấp.

5. Thời hạn và địa chỉ tiếp nhận báo giá

Đề nghị Quý đơn vị gửi báo giá và các tài liệu liên quan trước ngày 17 tháng 9 năm 2026 về:

- Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Địa chỉ: Số 20 Ngõ 02 Hoa Lư, P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

- Đầu mối liên hệ: Bà Trần Thị Hà - Ban Quản lý dự án.

Điện thoại: 0971508787 Email: ttcntt@cntt.gov.vn

Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTCĐS.Hà.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hoàng Lan

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP VÀ BẢNG CHI TIẾT YÊU CẦU CUNG CẤP BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào giá số 1333/TMCG-TTCĐSVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2026
của Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

1. Bảng tổng hợp giá trị đề nghị báo giá

Đề nghị Quý đơn vị tổng hợp giá trị chào theo các nhóm nội dung dưới đây. Giá trị báo giá phải được lập trên cơ sở tổng hợp các bảng chi tiết tại Mục 2 và Mục 3 của Phụ lục này, bảo đảm thống nhất về phạm vi, số lượng, thời gian cung cấp dịch vụ và giá trị chào.

STT	Nội dung	Giá trị chào chưa VAT (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị chào đã có VAT (đồng)	Ghi chú
1	Thuê hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ có sẵn trên thị trường (12 tháng)				Bao gồm dịch vụ Cloud, sao lưu dữ liệu và các dịch vụ, phần mềm thương mại bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin theo Bảng chi tiết tại Mục 2 của Phụ lục này.
2	Thuê dịch vụ phần mềm xây dựng theo yêu cầu riêng của Hệ thống				Bao gồm các công việc phân tích, thiết kế, xây dựng, phát triển, thiết lập, cấu hình, kiểm thử, hiệu chỉnh, tích hợp, triển khai, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và duy trì phần mềm theo phạm vi yêu cầu.
	TỔNG GIÁ TRỊ BÁO GIÁ				

2. Bảng chi tiết thuê hệ thống hạ tầng thiết bị, phần mềm thương mại và các dịch vụ có sẵn trên thị trường

ST T	Tên vật tư/dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Số tháng	Đơn giá/tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	VAT (đồng)	Thành tiền đã có VAT (đồng)
I	Chi phí thuê Cloud							
1	CPU	Core	124	12				
2	RAM	GB	264	12				
3	SSD	GB	7900	12				
	Cộng Chi phí thuê Cloud							
II	Chi phí sao lưu dữ liệu (Backup)							
4	Backup dung lượng 10GB	Gói	790	12				

ST T	Tên vật tu/dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Số tháng	Đơn giá/tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	VAT (đồng)	Thành tiền đã có VAT (đồng)
	Cộng Chi phí Backup dữ liệu							
III	Chi phí an ninh mạng, an toàn thông tin							
5	Dịch vụ tường lửa CSDL (DBFW)	License/VM	3	12				
6	Dịch vụ tường lửa ứng dụng Web (WAF) và phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ (DDoS)	Gói (dung lượng bảo vệ 500 GB; không giới hạn số lượng tên miền bảo vệ)	1	12				
7	Dịch vụ quản lý truy cập đặc biệt (PAM)	Account/HT	3	12				
8	Dịch vụ Antivirus (Kaspersky)	License/VM	18	12				
9	Dịch vụ giám sát an ninh (SIEM)	License/VM	18	12				
10	Dịch vụ phòng chống rò rỉ dữ liệu (DLP)	License/VM	8	12				
	Cộng Chi phí An ninh mạng							
IV	TỔNG CỘNG							

3. Bảng chi tiết danh mục yêu cầu chức năng của dịch vụ phần mềm xây dựng theo yêu cầu

Đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu đầy đủ phạm vi chức năng, yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật và khối lượng công việc quy định tại danh mục dưới đây để xây dựng phương án kỹ thuật và xác định giá cung cấp dịch vụ phần mềm. Giá chào phải bao quát đầy đủ các công việc cần thiết để phân tích, thiết kế, xây dựng, phát triển, kiểm thử, hiệu chỉnh, triển khai, tích hợp, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và duy trì phần mềm theo phạm vi cung cấp dịch vụ.

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I.	QUẢN LÝ TÀI KHOẢN VÀ HỆ THỐNG CHUNG				
I.1	Thông tin chung				
1	Tra cứu, lọc danh sách cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
2	Xem thông tin chi tiết cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
3	Khai báo thông tin cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
4	Điều chỉnh thông tin cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
5	Loại bỏ cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình khỏi danh mục	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
6	Thiết lập phân quyền trên cơ cấu tổ chức và đơn vị tham gia Chương trình	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
7	Tra cứu, lọc danh sách địa phương và đơn vị hành chính	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
8	Khai báo thông tin địa phương và đơn vị hành chính	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
9	Điều chỉnh thông tin địa phương và đơn vị hành chính	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
10	Kết xuất dữ liệu địa phương và đơn vị hành chính ra tệp	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
I.2	Quản lý vai trò, quyền hạn, nhóm quyền				
11	Tra cứu, lọc danh sách tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
12	Xem thông tin chi tiết tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
13	Khai báo thông tin tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
14	Điều chỉnh thông tin tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
15	Kết xuất dữ liệu tài khoản người dùng ra tệp	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
16	Tiếp nhận tài khoản người dùng từ tệp Excel	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
17	Thiết lập trạng thái hoạt động của tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
18	Cấp lại mật khẩu cho tài khoản người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
19	Tra cứu, lọc danh sách vai trò người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
20	Khai báo thông tin vai trò người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
21	Điều chỉnh thông tin vai trò người dùng	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
22	Loại bỏ vai trò người dùng khỏi danh mục	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
23	Kết xuất dữ liệu vai trò người dùng ra tệp	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
24	Thiết lập phân quyền trên truy cập theo nhóm và đơn vị	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
25	Tra cứu, lọc danh sách chức vụ	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
26	Khai báo thông tin chức vụ	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
27	Điều chỉnh thông tin chức vụ	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
28	Loại bỏ chức vụ khỏi danh mục	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
29	Tra cứu, lọc danh sách quyền hạn	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
I.3	Định danh, xác thực truy cập				
30	Đăng nhập và xác thực tập trung	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
II.	THÀNH PHẦN DÙNG CHUNG				
II.1	Quản lý dữ liệu và thu thập				
31	Tra cứu vết xử lý hồ sơ theo quy trình trình ký, phê duyệt	Cán bộ nghiệp vụ ba cấp	1		
32	Quản lý tệp đính kèm của hồ sơ	Cán bộ nghiệp vụ ba cấp	1		
III.	CỔNG THÔNG TIN CÔNG CỘNG (CÔNG BỐ, TRA CỨU)				
III.3	Trình diễn dữ liệu				
33	Trang chủ cổng thông tin công cộng	Người dân, Doanh nghiệp	1		
34	Tra cứu kho văn bản công khai	Người dân, Doanh nghiệp	1		
35	Tra cứu kho biểu mẫu công khai	Người dân, Doanh nghiệp	1		
36	Tra cứu hệ thống chỉ tiêu công khai	Người dân, Doanh nghiệp	1		
IV.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CẤP XÃ, PHƯỜNG				
IV.1	Quản lý dữ liệu và thu thập				

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
37	Tra cứu, lọc danh sách biểu mẫu báo cáo cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
38	Khai báo thông tin biểu mẫu báo cáo cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
39	Rà soát tính hợp lệ số liệu biểu mẫu báo cáo cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
40	Kết xuất biểu mẫu báo cáo cấp xã, phường theo mẫu do Bộ ban hành	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
41	Tra cứu, lọc danh sách nội dung thành phần cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
42	Điều chỉnh thông tin nội dung thành phần cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
43	Loại bỏ nội dung thành phần cấp xã, phường khỏi danh mục	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
44	Tra cứu, lọc danh sách công việc, dự án và kinh phí thực hiện cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
45	Xem thông tin chi tiết công việc, dự án và kinh phí thực hiện cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
46	Điều chỉnh thông tin công việc, dự án và kinh phí thực hiện cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
47	Loại bỏ công việc, dự án và kinh phí thực hiện cấp xã, phường khỏi danh mục	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
48	Kết xuất dữ liệu công việc, dự án và kinh phí thực hiện cấp xã, phường ra tệp	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
49	Tra cứu, lọc danh sách hồ sơ báo cáo cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
50	Chuyển hồ sơ báo cáo cấp xã, phường lên cấp trên	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
51	Tra cứu, lọc danh sách hồ sơ đã nộp và minh chứng của đơn vị	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
52	Thực hiện quy trình trình ký hồ sơ đã nộp và minh chứng của đơn vị	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
53	Tra cứu, lọc danh sách báo cáo lên Sở	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
54	Khai báo thông tin cáo lên Sở	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
55	Tra cứu, lọc danh sách báo cáo từ tệp Excel cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
IV.2	Quản lý cấu hình trình diễn dữ liệu				
56	Tra cứu biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
IV.3	Trình diễn dữ liệu				
57	Theo dõi tiến độ thực hiện cấp xã, phường	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
58	Tra cứu lịch sử hồ sơ báo cáo đã nộp lên Sở	CBNVX - Cán bộ nghiệp vụ cấp Xã, Phường	1		
V.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH cấp tỉnh				
V.1	Quản lý dữ liệu và thu thập				
59	Tra cứu, lọc danh sách hồ sơ báo cáo của xã, phường	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
60	Xem thông tin chi tiết hồ sơ báo cáo của xã, phường	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
61	Khai báo thông tin hồ sơ báo cáo của xã, phường	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
62	Kết xuất dữ liệu hồ sơ báo cáo của xã, phường ra tệp	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
63	Thẩm định hồ sơ báo cáo của xã, phường	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
64	Tra cứu, lọc danh sách biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
65	Xem thông tin chi tiết biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
66	Khai báo thông tin biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
67	Rà soát tính hợp lệ số liệu biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
68	Thực hiện quy trình trình ký biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
69	Kết xuất biểu mẫu báo cáo cấp tỉnh theo mẫu do Bộ ban hành	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
70	Tra cứu, lọc danh sách báo cáo lên Bộ	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
71	Khai báo thông tin cáo lên Bộ	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
72	Theo dõi tiến độ báo cáo lên Bộ	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
V.2	Quản lý cấu hình trình diễn dữ liệu				
73	Theo dõi biểu mẫu báo cáo của xã, phường	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
74	Tra cứu, lọc danh sách tài liệu và biểu mẫu dùng chung cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
V.3	Trình diễn dữ liệu				
75	Tra cứu, lọc danh sách tình hình thực hiện toàn tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
76	Kết xuất dữ liệu tình hình thực hiện toàn tỉnh ra tệp	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
77	Theo dõi tiến độ tình hình thực hiện toàn tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
78	Kết xuất dữ liệu nội dung thực hiện và kinh phí toàn tỉnh ra tệp	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
79	Theo dõi tiến độ nội dung thực hiện và kinh phí toàn tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
80	Khai thác biểu đồ phân tích nội dung thực hiện và kinh phí toàn tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
81	Tra cứu, lọc danh sách báo cáo và chỉ số cấp tỉnh	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
82	Kết xuất dữ liệu báo cáo và chỉ số cấp tỉnh ra tệp	CBNVS - Cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh	1		
VI.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CẤP BỘ				
VI.1	Quản lý dữ liệu và thu thập				
83	Tiếp nhận và xử lý biểu mẫu của địa phương	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
84	Quản lý khung nội dung thành phần của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
85	Tra cứu, lọc danh sách tiêu chí đánh giá phát triển văn hóa	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
86	Khai báo thông tin tiêu chí đánh giá phát triển văn hóa	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
87	Kết xuất dữ liệu tiêu chí đánh giá phát triển văn hóa ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
88	Tra cứu, lọc danh sách chỉ tiêu của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
89	Khai báo thông tin chỉ tiêu của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
90	Điều chỉnh thông tin chỉ tiêu của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
91	Chuyển chỉ tiêu của Chương trình sang trạng thái ngừng hiệu lực	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
92	Kết xuất dữ liệu chỉ tiêu của Chương trình ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
93	Tiếp nhận chỉ tiêu của Chương trình từ tệp Excel	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
94	Tra cứu, lọc danh sách nhiệm vụ của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
95	Xem thông tin chi tiết nhiệm vụ của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
96	Khai báo thông tin nhiệm vụ của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
97	Điều chỉnh thông tin nhiệm vụ của Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
98	Chuyển nhiệm vụ của Chương trình sang trạng thái ngừng hiệu lực	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
99	Kết xuất dữ liệu nhiệm vụ của Chương trình ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
100	Tra cứu, lọc danh sách biểu mẫu báo cáo	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
101	Khai báo thông tin biểu mẫu báo cáo	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
102	Kết xuất biểu mẫu báo cáo theo mẫu do Bộ ban hành	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
103	Tra cứu, lọc danh sách văn bản chỉ đạo, điều hành	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
104	Xem thông tin chi tiết văn bản chỉ đạo, điều hành	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
105	Khai báo thông tin văn bản chỉ đạo, điều hành	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
106	Điều chỉnh thông tin văn bản chỉ đạo, điều hành	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
107	Chuyển văn bản chỉ đạo, điều hành sang trạng thái ngừng hiệu lực	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
108	Kết xuất dữ liệu văn bản chỉ đạo, điều hành ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
109	Tiếp nhận văn bản chỉ đạo, điều hành từ tệp Excel	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
VI.2	Quản lý cấu hình trình diễn dữ liệu				
110	Tra cứu, lọc danh sách tài liệu chia sẻ cho các cấp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
111	Khai báo thông tin tài liệu chia sẻ cho các cấp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
112	Chuyển tài liệu chia sẻ cho các cấp sang trạng thái ngừng hiệu lực	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
VI.3	Trình diễn dữ liệu				
113	Tra cứu, lọc danh sách tình hình thực hiện Chương trình toàn quốc	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
114	Theo dõi tiến độ tình hình thực hiện Chương trình toàn quốc	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
115	Kết xuất dữ liệu tình hình thực hiện Chương trình theo địa phương ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
116	Khai thác bản đồ tình hình thực hiện Chương trình theo địa phương	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
117	Tra cứu, lọc danh sách tiến độ nộp hồ sơ và giải ngân theo đơn vị	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
118	Kết xuất dữ liệu tiến độ nộp hồ sơ và giải ngân theo đơn vị ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
119	Theo dõi tiến độ nộp hồ sơ và giải ngân theo đơn vị	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
120	Tra cứu, lọc danh sách hồ sơ đơn vị tham gia Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
121	Xem thông tin chi tiết hồ sơ đơn vị tham gia Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
122	Kết xuất dữ liệu hồ sơ đơn vị tham gia Chương trình ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
123	Tra cứu, lọc danh sách nội dung thực hiện toàn quốc	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
124	Kết xuất dữ liệu nội dung thực hiện toàn quốc ra tệp	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
125	Khai thác biểu đồ phân tích nội dung thực hiện toàn quốc	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
126	Khai thác bản đồ nội dung thực hiện toàn quốc	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
127	Tra cứu, lọc danh sách tổng thể tình hình thực hiện Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
128	Theo dõi tiến độ tổng thể tình hình thực hiện Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
129	Khai thác biểu đồ phân tích tổng thể tình hình thực hiện Chương trình	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
130	Tra cứu, lọc danh sách chuyên đề theo chỉ tiêu, nhiệm vụ và kinh phí	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
131	Theo dõi tiến độ chuyên đề theo chỉ tiêu, nhiệm vụ và kinh phí	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		

TT	Tên use-case/chức năng	Tác nhân chính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
132	Khai thác biểu đồ phân tích chuyên đề theo chỉ tiêu, nhiệm vụ và kinh phí	CBNVB - Cán bộ nghiệp vụ cấp Bộ	1		
VII.	QUẢN LÝ DỮ LIỆU CHIA SẺ				
133	Tra cứu, lọc danh sách đề xuất từ bộ, ngành khác	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
134	Kết xuất dữ liệu đề xuất từ bộ, ngành khác ra tệp	QTHT - Quản trị hệ thống	1		
	TỔNG GIÁ TRỊ DỊCH VỤ PHẦN MỀM				

4. Yêu cầu lập báo giá

1) Báo giá tổng hợp tại Mục 1 phải thống nhất với tổng giá trị của các bảng chi tiết tại Mục 2 và Mục 3 của Phụ lục này.

2) Đơn giá, thành tiền và thuế VAT phải được xác định rõ đối với từng hạng mục; trường hợp một hạng mục áp dụng mức thuế khác hoặc thuộc đối tượng có quy định thuế riêng, đề nghị ghi rõ mức thuế và căn cứ áp dụng.

3) Giá trị chào phải bao gồm đầy đủ các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo đúng phạm vi, yêu cầu kỹ thuật và thời gian cung cấp dịch vụ; đối với các hạng mục hạ tầng, phần mềm thương mại và dịch vụ có sẵn trên thị trường phải tính theo đúng số lượng và thời gian thuê hoặc sử dụng quy định tại Bảng chi tiết.

4) Đối với dịch vụ phần mềm xây dựng theo yêu cầu, Quý đơn vị có thể gửi kèm bảng thuyết minh phương án kỹ thuật và bảng phân tích chi tiết cơ cấu giá để làm rõ cơ sở xác định giá chào.